

Bản án số: 143/ 2021/HS-ST  
Ngày: 10/06/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Xuân Oanh – Bà Phan Kim Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Thị Mỹ Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 05 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 05 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Phúc N - Sinh năm 1964; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: khối 10, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Hiện trú tại: khối 1, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông: Nguyễn Phúc T và con bà: Đặng Thị M ; Vợ: Trần Thị H ; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2001); Anh, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: năm 2009 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử 24 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 42 tháng về tội “Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã”. Thi hành xong án phí ngày 15/01/1999; Bị bắt, tạm giữ: từ ngày 29/01/2021 đến ngày 28/04/2021 được tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: - Anh Phan Văn P - sinh năm 1988 (vắng mặt)

Trú tại: thôn T , xã Phong T , huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2020, anh Phan Văn P sinh năm 1988, trú tại thôn T , xã Phong T , huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xử phạt 39 tháng tù giam, về tội “ Lạm dụng

tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên anh P muốn được giảm án. Thông qua mối quan hệ quen biết với anh Phạm Văn T (tên gọi khác là D ) trú tại khối 10, phường Quang Trung, thành phố Vinh giới thiệu Nguyễn Phúc N cho Phan Văn P để nhờ xin giảm án. Nguyễn Phúc N nhận lời xin giảm từ 39 tháng xuống còn 9 tháng đến 12 tháng với số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 24/03/2020, anh P cùng vợ là chị Nguyễn Thị Châu và anh Phạm Văn T đi đến nhà Nguyễn Phúc N ở khối 10, phường Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An đưa cho Nguyễn số tiền 80.000.000 đồng. Nguyễn Phúc N viết giấy giao nhận số tiền 80.000.000 đồng và có chữ ký người làm chứng của anh Phạm Văn T . Ngày 31/08/2020, Nguyễn Phúc N điện thoại cho anh P báo không xin được giảm án. Ngày 04/09/2020, Nguyễn Phúc N trả cho anh P số tiền 20.000.000 đồng và hứa 2 ngày sau trả tiếp nhưng không trả.

Ngày 25/09/2020, Phan Văn P làm đơn tố cáo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh và giao nộp “01 giấy nhận tiền xin việc, ghi số tiền 80.000.000 đồng viết ngày 24/03/2020, trên giấy có chữ ký người nhận tiền tên Nguyễn Phúc N và chữ ký người làm chứng Phạm Văn T ”

Căn cứ kết luận giám định số 514/KL-PC -09 ngày 18/12/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “Chữ viết (trừ chữ viết “Người làm chứng”, “Phạm Văn T ”) trên “giấy nhận tiền xin việc” ký hiệu A so với chữ viết Nguyễn Phúc N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký mang tên Nguyễn Phúc N trên “giấy nhận tiền xin việc” ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Phúc N trên “giấy nhận tiền xin việc” ký hiệu A so với chữ ký Nguyễn Phúc N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra”. Nguyễn Phúc N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 171 /VKS - HS ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP.Vinh truy tố Nguyễn Phúc N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKS vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc N từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu tài được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo ...

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 03/2020 Nguyễn Phúc N đã lừa dối anh Phan Văn P với hình thức hứa hẹn xin giảm án cho anh Phan Văn P để chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng. Hành vi mà bị cáo Nguyễn Phúc N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 174 BLHS.

Vụ án thuộc loại nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là lừa đảo và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự công cộng, trị an xã hội, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo cho rằng do có quan hệ bạn bè với Lê Hữu C, sinh năm 1966 trú tại khối 5, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An làm giám đốc Công ty xây dựng ở thành phố Vinh, mà Lê Hữu C cho rằng quen biết nhiều người có thể làm được việc này nên bị cáo mới nhận lời nhờ của anh Phan Văn P. Sau khi anh P giao tiền cho bị cáo thì bị cáo đã chuyển toàn bộ cho Lê Hữu C, nhưng bị cáo lại không có tài liệu nào chứng minh việc chuyển tiền cho anh Lê Hữu C. Quá trình điều tra Lê Hữu C đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét việc Nguyễn Phúc N có chuyển tiền cho anh Lê Hữu C hay không. Quá trình điều tra Nguyễn Phúc N cũng thừa nhận trước đó Nguyễn đã đi tìm anh C để hỏi nhưng tìm không được mà còn nghe nói anh C đã bỏ đi nước ngoài nên bị cáo đã thông báo cho anh P về việc này. Bị cáo thực hiện một hành vi để chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng nên VKS truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì sau khi phạm tội bị cáo đã trả lại 1 phần tiền cho người bị hại nhằm giảm bớt tác hại của tội phạm bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho những người bị hại, bố bị cáo là người có công với cách mạng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương

và gia đình giáo dục như đề nghị của đại diện VKS là đủ nghiêm và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với Lê Hữu C là người Nguyễn Phúc N khai nhận tiền, nhận việc xin giảm án cho Phan Văn P thông qua Nguyễn Phúc N. Quá trình điều tra Lê Hữu C không có mặt tại địa phương nên chưa có đủ căn cứ xử lý đối với Lê Hữu C. Cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau nên miễn xét.

[3] Về dân sự: Quá trình điều tra những người bị hại đã nhận đầy đủ số tiền không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

### **QUYẾT ĐỊNH**

***Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.***

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 BLHS; điều 136 BLTTHS; điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí xử phạt: bị cáo Nguyễn Phúc N 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách 54 (năm mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Phúc N cho UBND phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Phúc N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí HSST.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- VKSND TP Vinh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Công an TP Vinh
- Chi cục thi hành án dân sự TP Vinh
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng.
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An
- Lưu HS

**Lê Thị Hải Yến**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**